CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn 911

Ngày 30/09/2025	7,630 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**1.7%**	**-5.3%**

DT thuần
Q3/25
77.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼536| -87.4%
YoY: ▼149| -65.7%

LN thuần
Q3/25
-0.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.9| -107%
YoY: ▼7.86| -114%

LN sau thuế
Q3/25
1.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.94| -84.8%
YoY: ▼3.35| -70.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.1%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM)
Q3/25
4.3%
YoY: +/-▼ 1.2%

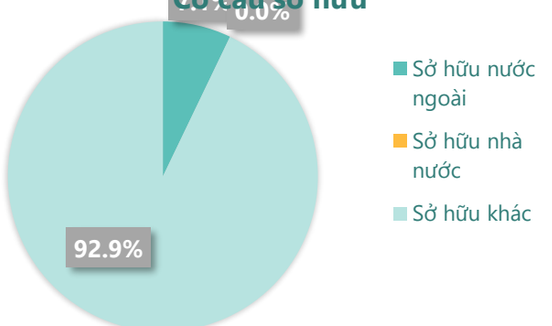
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,780 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	116,210
Sở hữu nước ngoài	7.1%
Beta	0.79
EPS	580
P/E	13.2

DT thuần
9T 2025
918
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 246| 36.6%

LN thuần
9T 2025
18.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.40| -26.1%

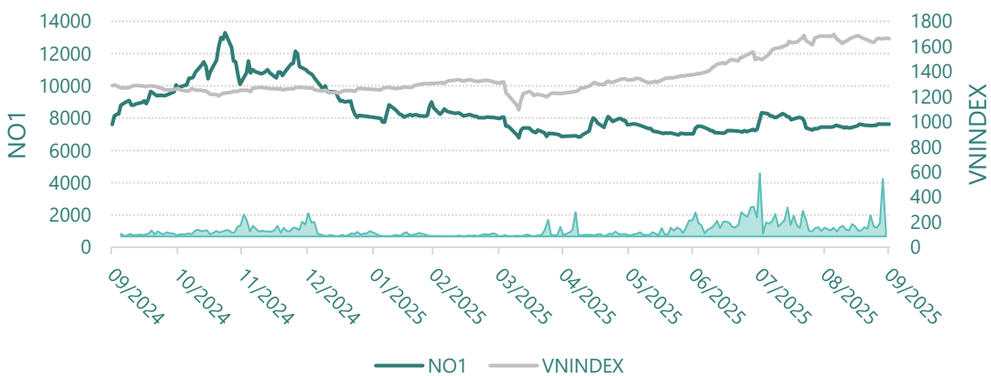
LN sau thuế
9T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.10| -31.6%

Cơ cấu sở hữu

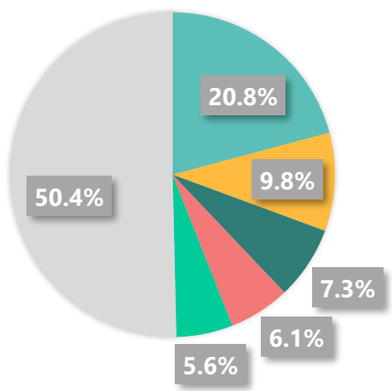


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



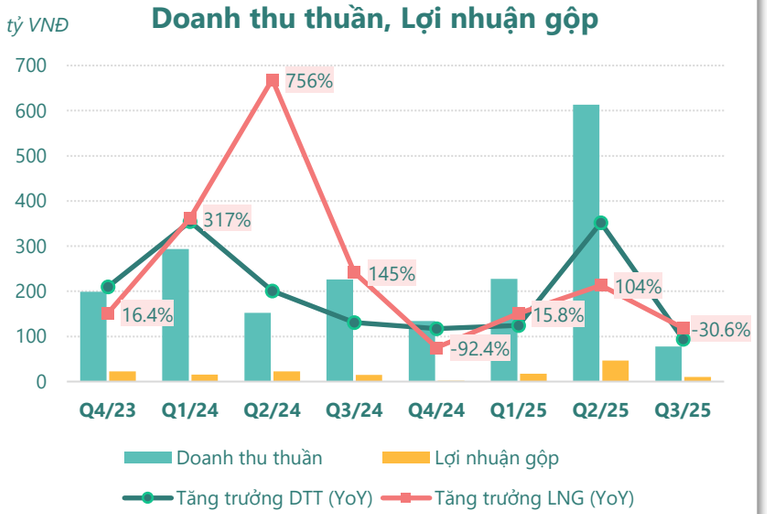
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

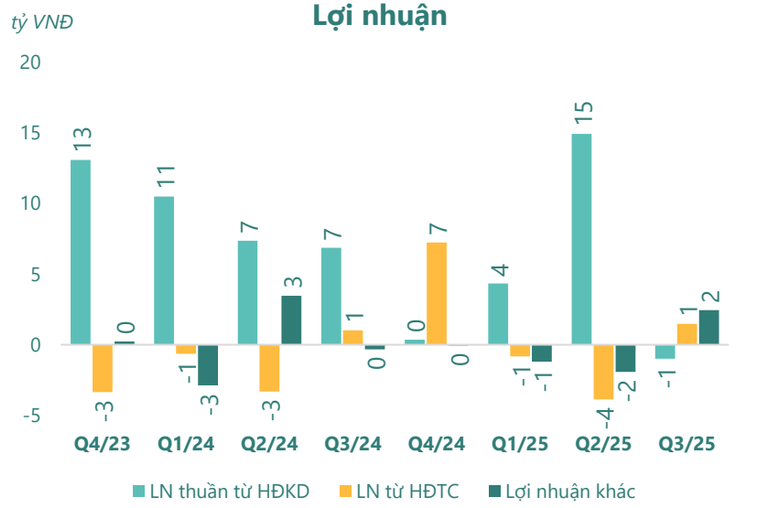
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



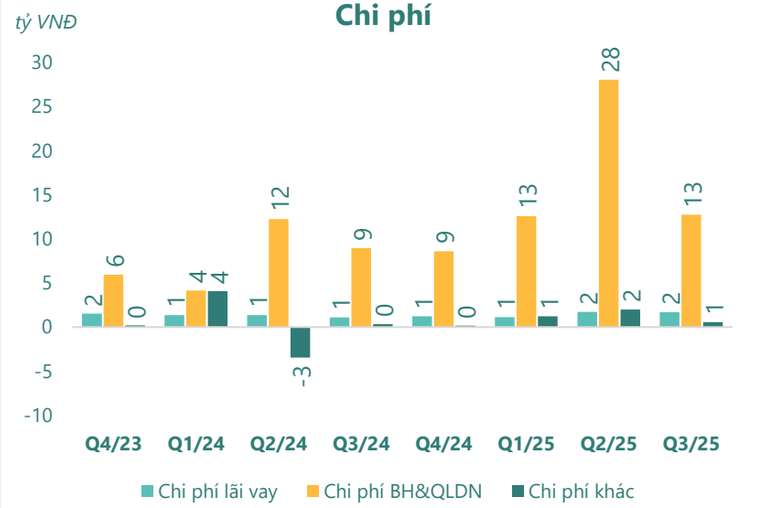
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



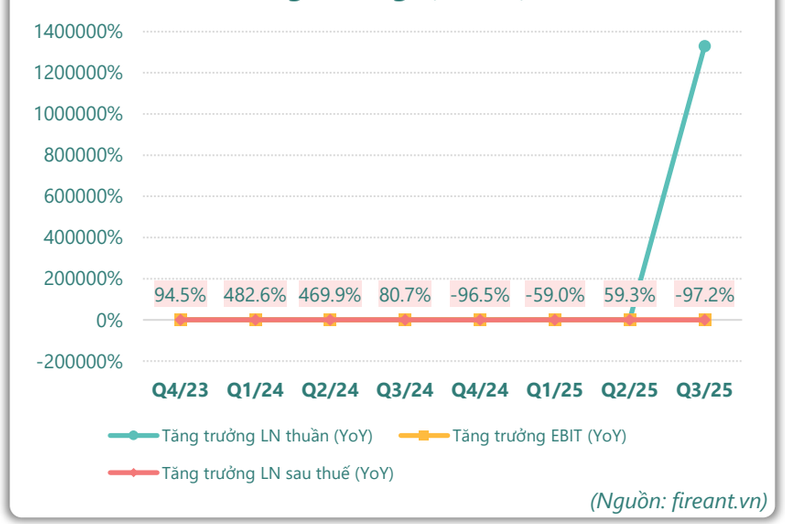
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



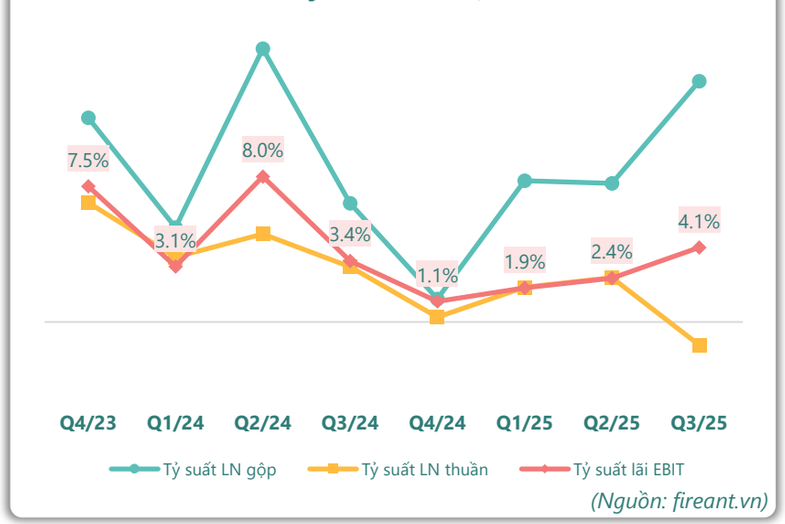
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



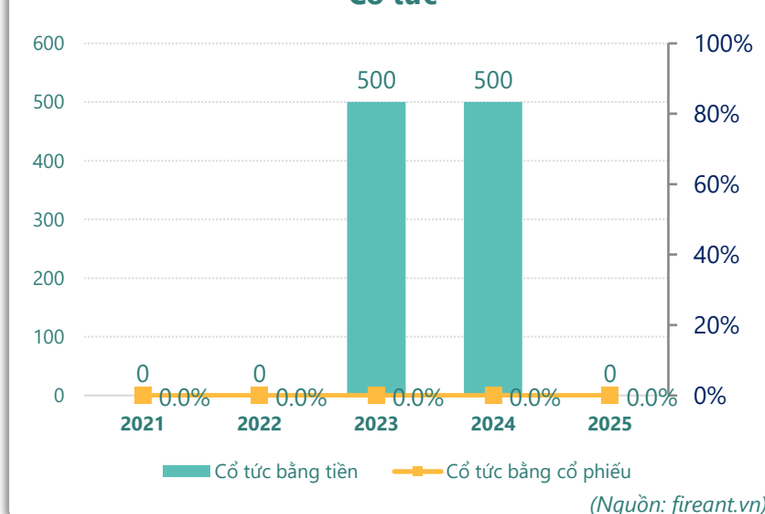
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

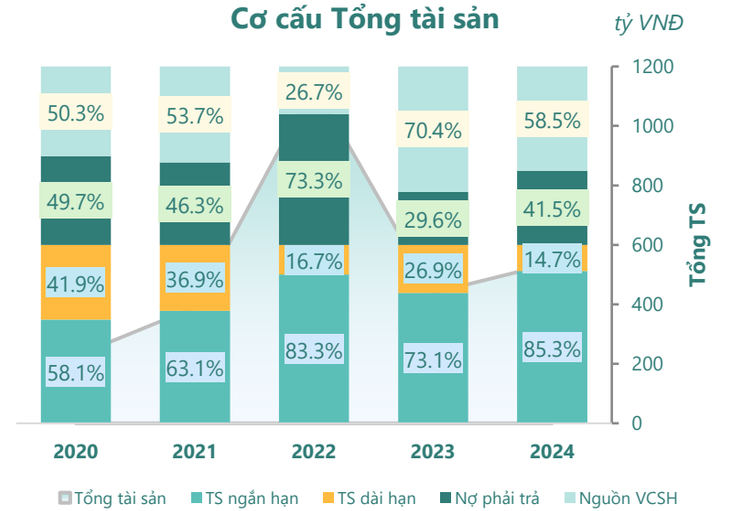
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

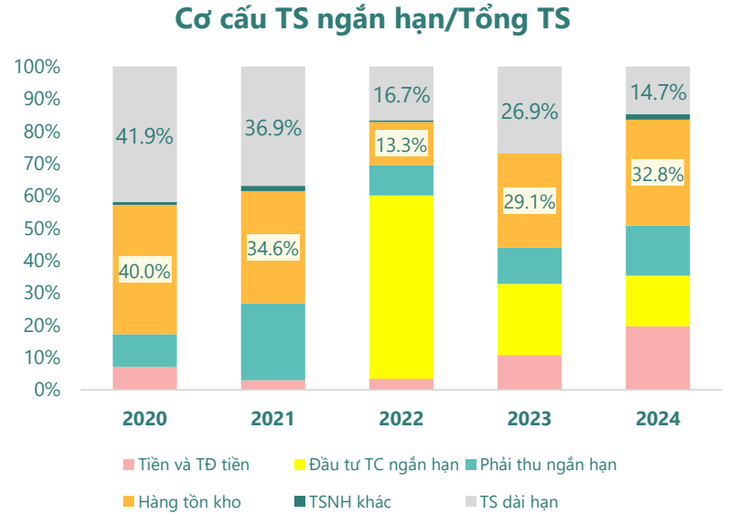
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



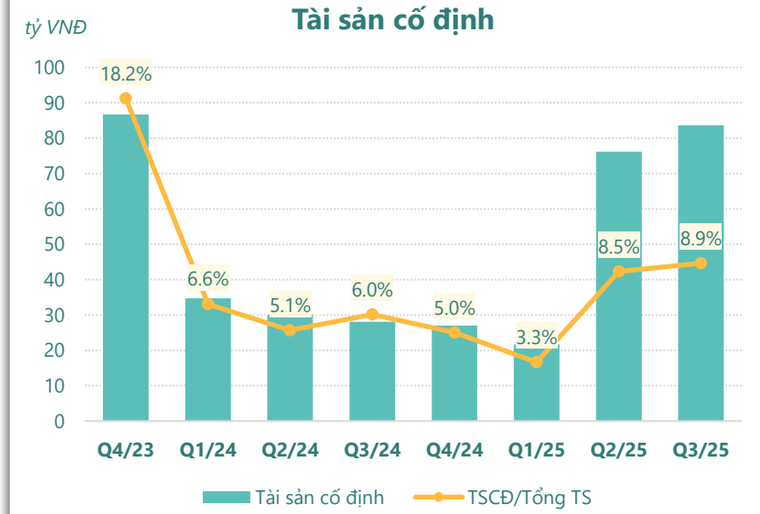
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



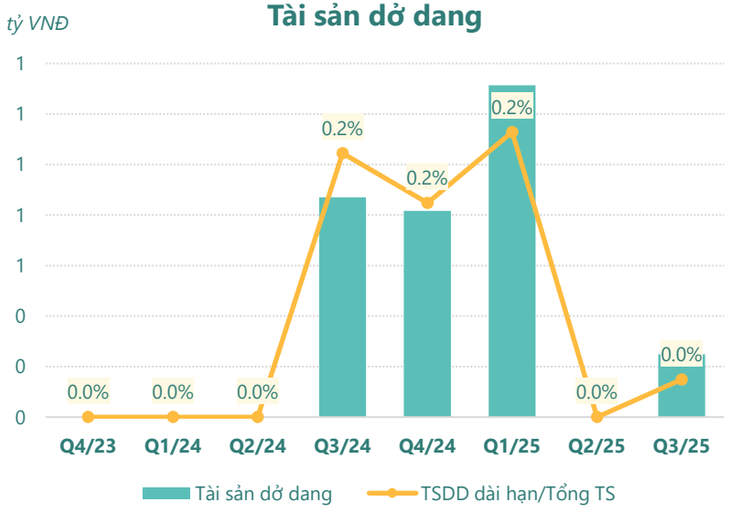
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



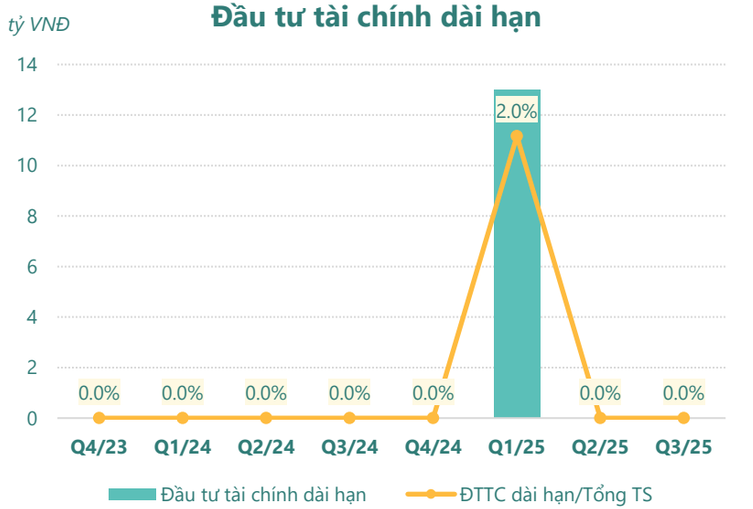
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



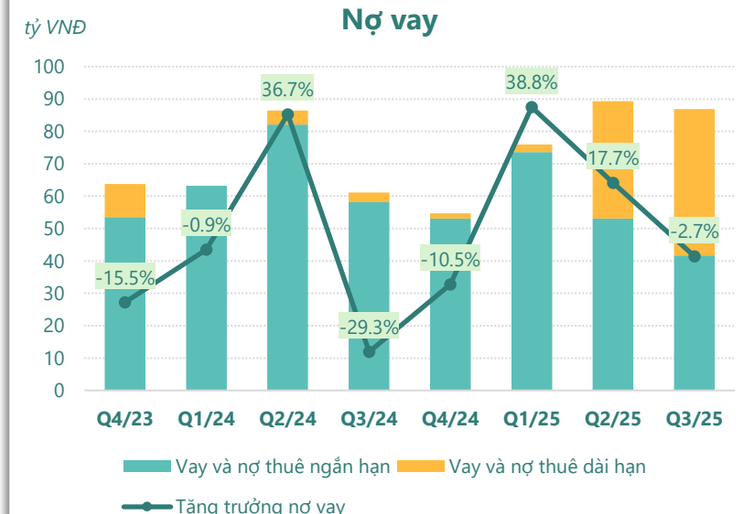
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

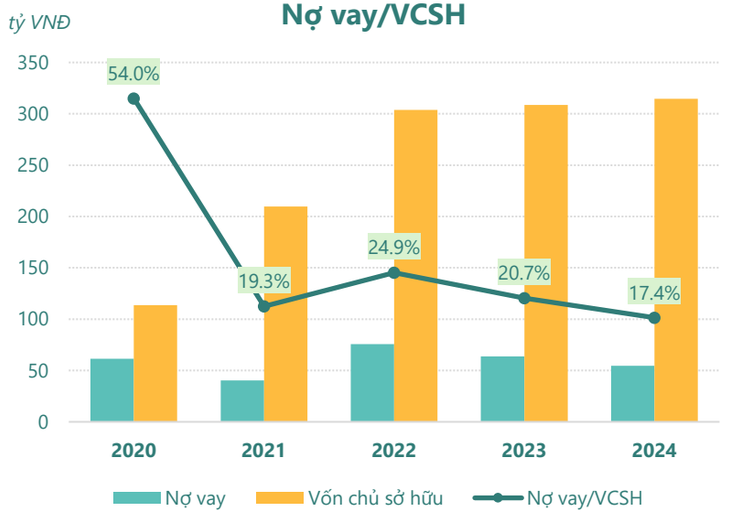
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

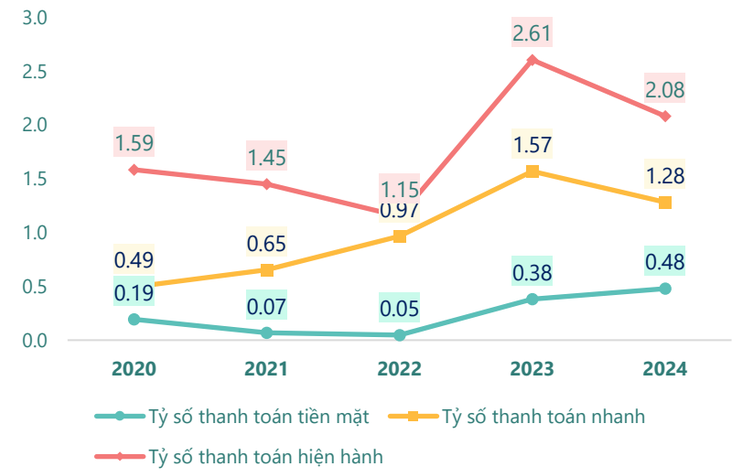
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



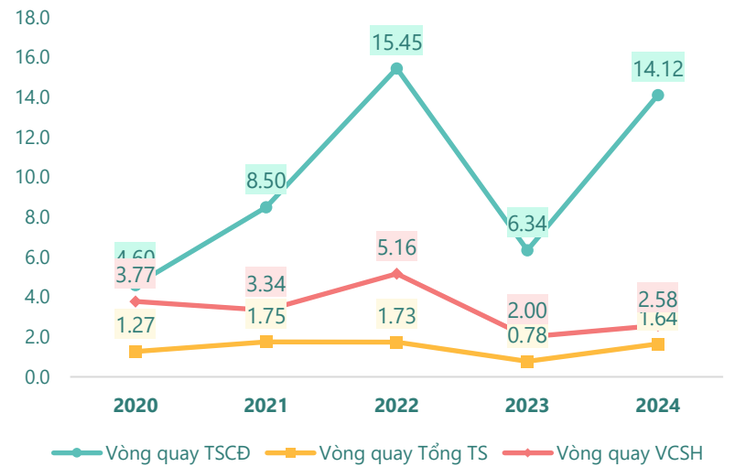
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



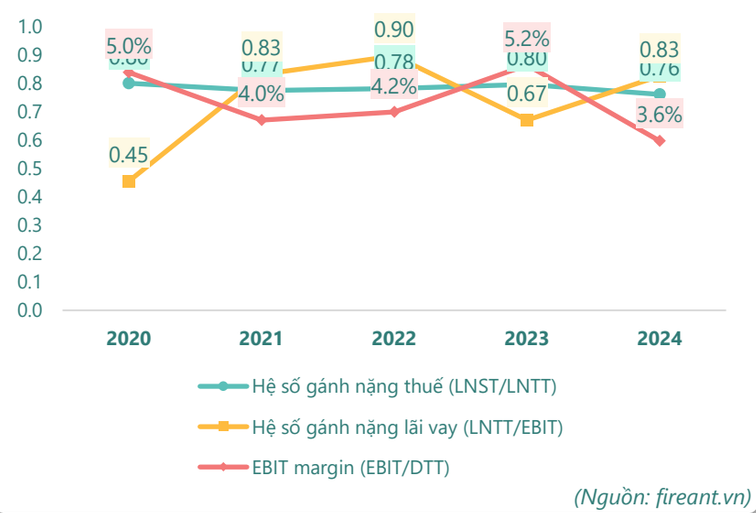
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



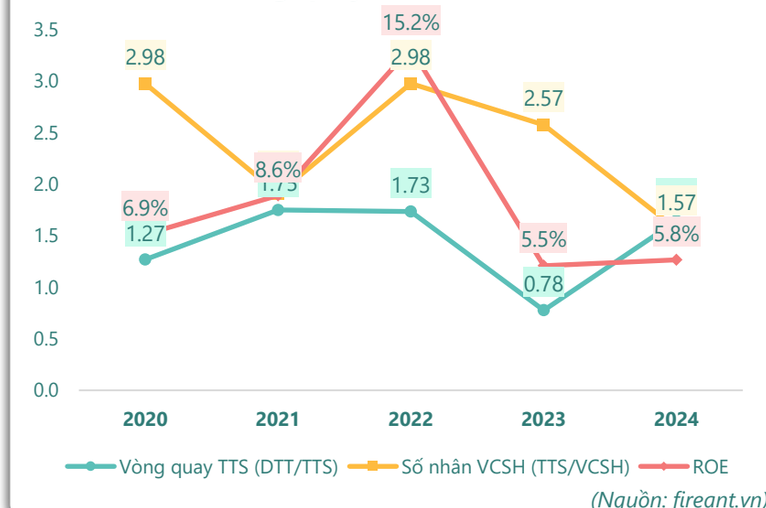
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



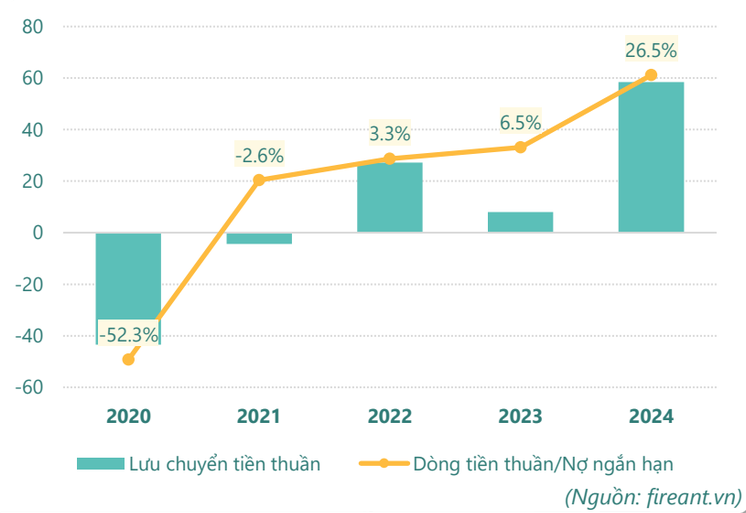
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**77.4**	**226**	**-65.7%**	**918**	**672**	**36.6%**
Giá vốn hàng bán	67.2	211	-68.2%	843	619	36.2%
Lợi nhuận gộp	10.3	14.8	-30.6%	74.8	53.0	41.2%
Doanh thu HĐTC	3.43	2.11	62.7%	6.10	4.41	38.3%
Chi phí TC	1.96	1.09	79.8%	9.33	7.36	26.8%
Chi phí lãi vay	1.70	1.09	56.3%	4.58	3.79	20.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.06	4.28	-75.1%	15.2	12.5	21.2%
Chi phí QLDN	**11.7**	**4.67**	**150%**	**38.2**	**12.8**	**198%**
LN thuần từ HĐKD	-0.99	6.87	-114%	18.3	24.7	-26.1%
Lợi nhuận khác	**2.46**	**-0.34**	**823%**	**-0.68**	**0.25**	**-371%**
LN trước thuế	1.47	6.54	-77.5%	17.6	25.0	-29.6%
Lợi nhuận sau thuế	**1.42**	**4.77**	**-70.2%**	**13.3**	**19.4**	**-31.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.99**	**4.77**	**-79.2%**	**13.7**	**19.4**	**-29.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	104	-128	17.5	-114	237	130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.3	35.1	27.0	62.5	-171	130
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.4	-21.2	-16.7	25.2	16.4	-2.42
Tiền đầu kỳ	31.9	167	53.6	106	78.8	161
Lưu chuyển tiền thuần	**135**	**-114**	**27.8**	**-26.7**	**82.6**	**258**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	167	53.6	81.3	78.8	161	420

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**936**	**538**	**74.1%**
Tài sản ngắn hạn	802	459	74.9%
Tiền và tương đương tiền	420	106	298%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	84.1	-100%
Phải thu ngắn hạn	242	83.3	190%
Hàng tồn kho	129	176	-26.8%
Tài sản ngắn hạn khác	12.0	9.64	24.3%
Tài sản dài hạn	**134**	**79.0**	**69.4%**
Phải thu dài hạn	0.73	0.62	18.3%
Tài sản cố định	83.6	27.0	210%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	0.25	0.82	-69.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**19.2**	**20.5**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	616	223	176%
Nợ ngắn hạn	**570**	**220**	**159%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.7	51.9	-19.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	488	137	257%
Nợ dài hạn	45.3	2.78	1530%
Vay và nợ thuê dài hạn	45.3	2.78	1530%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**320**	**315**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**320**	**315**	**1.9%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)